

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào  
làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc  
lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý  
thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành  
chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính  
phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính  
phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số  
85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 5512/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban  
nhân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến  
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ  
chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức  
danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng Công an, người lao động tham gia thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức, thực hiện các nội dung tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Việc chi trả chế độ được tính theo thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trong việc tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp các đối tượng áp dụng theo Nghị quyết này thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ trong cùng một ngày thì chỉ được hưởng mức cao nhất.

3. Các nội dung có liên quan đến nội dung chi và mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

### **Điều 4. Nội dung và mức chi**

1. Nội dung mức chi:

a) Chi hỗ trợ thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

b) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng tham gia tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

c) Các nội dung chi khác.

2. Mức chi (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./. *vh*

**Nơi nhận:** *2*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KT VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh, <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. *8*

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nghĩa Hiếu**



**Phụ lục**  
**NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN VÀO LÀM**  
**CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
**VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~14~~ **2025/NQ-HĐND** ngày 10 tháng 7 năm 2025 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

| STT      | Nội dung chi                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Mức chi (đồng) | Ghi chú                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|-----------------------------|
| <b>I</b> | <b>Chi hỗ trợ thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:</b> |             |                |                             |
| <b>1</b> | <b>Biên soạn nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập</b>                                                                                                     |             |                |                             |
| 1.1      | Biên soạn nội dung tài liệu                                                                                                                                | Người/ngày  | 1.000.000      | (Chi hỗ trợ tối đa 10 ngày) |
| 1.2      | Thẩm định tài liệu ôn tập                                                                                                                                  | Người/ngày  | 1.000.000      | (Chi hỗ trợ tối đa 5 ngày)  |
| 1.3      | Hướng dẫn ôn tập (Giảng viên, báo cáo viên)                                                                                                                | Người/buổi  | 1.000.000      |                             |
| <b>2</b> | <b>Kiểm tra phiếu đăng ký, thẩm định hồ sơ dự tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức</b>            |             |                |                             |
| 2.1      | Dưới 100 hồ sơ                                                                                                                                             | Hồ sơ       | 20.000         |                             |
| 2.2      | Từ 100 hồ sơ - dưới 500 hồ sơ                                                                                                                              | Hồ sơ       | 15.000         |                             |
| 2.3      | Trên 500 hồ sơ                                                                                                                                             | Hồ sơ       | 10.000         |                             |
| <b>3</b> | <b>Xây dựng, thẩm định ngân hàng câu hỏi, đáp án thi trắc nghiệm; ra đề thi</b>                                                                            |             |                |                             |
| 3.1      | Soạn thảo câu hỏi trắc nghiệm                                                                                                                              | Câu         | 80.000         |                             |
| 3.2      | Thẩm định câu hỏi trắc nghiệm                                                                                                                              | Câu         | 65.000         |                             |
| 3.3      | Soạn thảo câu tự luận, thực hành, phỏng vấn                                                                                                                | Câu         | 650.000        |                             |
| 3.4      | Thẩm định câu tự luận, thực hành, phỏng vấn                                                                                                                | Câu         | 650.000        |                             |
| 3.5      | Ra đề thi (trường hợp có ngân hàng câu hỏi thi)                                                                                                            | Đề          | 1.500.000      |                             |
| <b>4</b> | <b>Ra đề tự luận và đáp án</b>                                                                                                                             |             |                |                             |
|          | Chi cho thành viên Ban ra đề thi                                                                                                                           | Đề          | 2.500.000      |                             |
| <b>5</b> | <b>Làm phách</b>                                                                                                                                           |             |                |                             |
|          | Đánh số, rọc phách, ghép phách, vào điểm                                                                                                                   | Bài thi     | 15.000         |                             |
| <b>6</b> | <b>Chấm thi</b>                                                                                                                                            |             |                |                             |
| 6.1      | Chấm bài thi tự luận                                                                                                                                       | Bài         | 90.000         |                             |
| 6.2      | Chấm thi phúc khảo bài thi tự luận                                                                                                                         | Người/ngày  | 500.000        |                             |

|            |                                                                                                                                                                                            |            |                          |  |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|--|
| <b>II</b>  | <b>Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng tham gia tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức</b> |            |                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Hội đồng thi/xét/kiểm tra sát hạch</b>                                                                                                                                                  |            |                          |  |
| 1.1        | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                          | Người/ngày | 500.000                  |  |
| 1.2        | Phó Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                      | Người/ngày | 470.000                  |  |
| 1.3        | Ủy viên Hội đồng, Thư ký                                                                                                                                                                   | Người/ngày | 420.000                  |  |
| <b>2</b>   | <b>Ban đề thi</b>                                                                                                                                                                          |            |                          |  |
| 2.1        | Trưởng ban                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 600.000                  |  |
| 2.2        | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                             | Người/ngày | 500.000                  |  |
| 2.3        | Ủy viên, Thư ký                                                                                                                                                                            | Người/ngày | 390.000                  |  |
| <b>3</b>   | <b>Tổ in sao đề thi</b>                                                                                                                                                                    |            |                          |  |
| 3.1        | Tổ trưởng                                                                                                                                                                                  | Người/ngày | 500.000                  |  |
| 3.2        | Thành viên                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 390.000                  |  |
| <b>4</b>   | <b>Ban coi thi</b>                                                                                                                                                                         |            |                          |  |
| 4.1        | Trưởng ban                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 450.000                  |  |
| 4.2        | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                             | Người/ngày | 420.000                  |  |
| 4.3        | Ủy viên, Thư ký, Giám thị                                                                                                                                                                  | Người/ngày | 360.000                  |  |
| <b>5</b>   | <b>Ban phỏng vấn, Ban kiểm tra sát hạch, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo</b>                                                                                                   |            |                          |  |
| 5.1        | Trưởng ban                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 500.000                  |  |
| 5.2        | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                             | Người/ngày | 450.000                  |  |
| 5.3        | Ủy viên, Thư ký                                                                                                                                                                            | Người/ngày | 360.000                  |  |
| <b>6</b>   | <b>Ban Giám sát, lực lượng Công an</b>                                                                                                                                                     |            |                          |  |
| 6.1        | Trưởng ban                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 500.000                  |  |
| 6.2        | Thành viên, Thư ký, lực lượng Công an                                                                                                                                                      | Người/ngày | 360.000                  |  |
| <b>7</b>   | <b>Tổ phục vụ</b>                                                                                                                                                                          |            |                          |  |
| 7.1        | Tổ trưởng                                                                                                                                                                                  | Người/ngày | 400.000                  |  |
| 7.2        | Thành viên                                                                                                                                                                                 | Người/ngày | 300.000                  |  |
| <b>III</b> | <b>Các nội dung chi khác</b>                                                                                                                                                               |            |                          |  |
| 1          | Đăng thông báo tuyển dụng, tiếp nhận                                                                                                                                                       |            | Thanh toán theo quy định |  |
| 2          | Thuê địa điểm, cơ sở vật chất, vận chuyển, lắp đặt phương tiện, dụng cụ, mua văn phòng phẩm                                                                                                |            | Thanh toán theo quy định |  |